ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 425 /BC-UBND	*Nam Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2026

1. Về thu ngân sách:

Tổng thu NSNN 9 tháng đầu năm 2026 là 422.591 triệu đồng (trđ), nếu loại trừ số thu chuyển nguồn năm trước là 59.414 trđ thì số phát sinh trong 9 tháng đầu năm 2026 là: 363.184 trđ, đạt 87,12% so với dự toán xã giao. Cụ thể:

a. Thu nội địa: 67.412 trđ, đạt 65,1% so với DT xã giao, gồm:

- Thu nội địa (loại trừ thu tiền sử dụng đất): 58.179 trđ, đạt 79,4% so với DT xã giao.

- Thu tiền sử dụng đất : 9.233 trđ, đạt 30,6% so với DT xã giao.

b. Thu đóng góp : 1.730 trđ.

c. Thu chuyển nguồn : 59.414 trđ

d. Thu bổ sung từ NS cấp trên : 293.102 trđ

đ. Thu Nộp trả ngân sách cấp trên: 559 trđ

e. Thu viện trợ : 374 trđ

2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương là 268.063 trđ, đạt 69,41% so với DT xã giao, cụ thể một số lĩnh vực chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển : 42.163 trđ đạt 100,93% so với DT xã giao.

- Chi thường xuyên : 225.342 trđ, đạt 66,79% so với DT xã giao.

- Thu Nộp trả ngân sách cấp trên: 559 trđ

3. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán thu, chi và cân đối ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2026

a) Về thu ngân sách:

Công tác thu ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 đạt kết quả tích cực, tổng thu NSNN trên địa bàn và thu điều tiết ngân sách xã đều đạt so với dự toán giao (không bao gồm thu tiền sử dụng đất). Kết quả này thể hiện sự chủ động trong phối hợp với cơ quan thuế, bám sát nguồn thu lớn, nhất là nguồn thu thuế của Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh …. Tuy nhiên, thu ngân sách nhà nước chưa thật sự bền vững. Một số khoản thu đạt thấp so với dự toán và tiến

phuongnt187 - 14/10/2025 08:16:17 - phuongnt187 - phuongnt187

độ bình quân như: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 30%, thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản đạt 61,7%; thu tiền sử dụng đất 30,6%. Nguyên nhân do một số khoản thu phụ thuộc vào tiến độ kê khai, lập bộ, biến động thị trường và khả năng phát sinh nguồn thu thực tế trên địa bàn.

b) Về chi ngân sách:

Điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu và bám sát dự toán được giao. Thực hiện nghiêm chỉ đạo tiết kiệm chi, về cắt giảm chi tỷ lệ thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị. Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, chi hỗ trợ, thăm hỏi gia đình chính sách, người có công, thân nhân liệt sỹ và các đối tượng bảo trợ xã hội. Đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Đồng thời cân đối đảm bảo cho một số nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã.

Trên đây là thuyết minh báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 của xã Nam Phước./.

Nơi nhận:
- TVĐU; TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các ngành, Đoàn thể của xã;
- Lưu: VT, KT, Ph (10b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khánh

phuongnt187 - 14/10/2026 08:06:17 - phuongnt187 - phuongnt187 - phuongnt187

Số: 425/BC-UBND
Thời gian ký: 2026-10-13T17:23:38+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

Mẫu biểu số 02

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10 /2026 của UBND xã Nam Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện quý III so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1		3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**416.863**	**135.348**	**422.591**	**101,4**	
I	Thu nội địa	103.500	19.539	67.412	65,1	
II	Thu đóng góp, nộp trả NS cấp trên, viện trợ		947	2.663,0		
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			59.414		
IV	Thu bổ sung từ NS cấp trên	313.363	114.862	293.102	93,5	
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**386.203**	**25.768**	**302.221**	**78,3**	
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**72.840**	**25.768**	**64.567**	**88,6**	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	17.559	3.423	11.653	66,4	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)	0	0	0		
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	55.281	22.345	52.914	95,7	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**313.363**		**178.240**	**56,9**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	223.689		111.844	50,0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	89.674		66.396	74,0	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu kết dư**					
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**0**		**59.414**		
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**386.203**	**104.391**	**268.063**	**69,4**	
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**386.203**	**104.391**	**267.505**	**69,3**	
1	Chi đầu tư phát triển	41.776	23.674	42.163	100,9	
2	Chi thường xuyên	337.413	80.717	225.342	66,8	
3	Chi cho vay	0		0		
4	Chi viện trợ	512		0		
5	Chi trả nợ lãi	0		0		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		0		
7	Dự phòng NSNN	5.802		0		
8	Các nhiệm vụ chi khác	0		0		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**			**0**		
III	**Chi tạo nguồn CCTL**	**700**				

phuongnt187 - 14/10/2026 08:06:49 - phuongnt187 - phuongnt187

Số: 425/BC-UBND
Thời gian ký: 2026-10-13T17:23:50+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

Mẫu biểu số 03

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10 /2026 của UBND xã Nam Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện		Thực hiện Quý III so (%)	
			Quý III NSX	Lũy kế 9 tháng	Dự toán. NSX	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU NSNN (A+B)	**416.863**	**135.348**	**422.591**	**101,4**	
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (*)**	**103.500**	**20.486**	**129.489**	**125,1**	
I	**Thu nội địa**	**103.500**	**19.539**	**67.412**	**65,1**	**0**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	0				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	900	208	604	67,1	
3	Thu từ DNNN địa phương		130	742		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	37.210	8.344	31.722	85,2	
5	Thuế thu nhập cá nhân	12.270	3.512	9.127	74,4	
6	Thuế bảo vệ môi trường	0				
7	Các loại phí, lệ phí	13.870	3.338	10.651	76,8	
	Tr đó: Lệ phí trước bạ	*11.590*	3.647	10.651	91,9	
8	Các khoản thu về nhà, đất	34.760	3.064	11.514	33,1	
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	*0*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*2.650*	318	794	30,0	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*1.860*	323	1.466	78,8	
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*30.250*	2.422	9.253	30,6	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*					
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
11	Thu từ hoạt động xổ số					
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	30				
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	620	290	383	61,7	
15	Thu khác ngân sách	3.840	655	2.670	69,5	
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**		**374**	**374**		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện		Thực hiện Quý III so (%)	
			Quý III NSX	Lũy kế 9 tháng	Dự toán. NSX	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
V	**Thu chuyển nguồn**			**59.414**		
VI	**Thu huy động, đóng góp**		**14**	**1.730**		
VII	**Nộp trả ngân sách cấp trên**		**559**	**559**		
B	**Thu bổ sung từ NS cấp trên**	**313.363**	**114.862**	**293.102**	**93,5**	
1	Thu BS cân đối	223.689	55.923	167.767	75,0	
2	Thu BS Mục tiêu	89.674	58.939	125.335	139,8	
C	**THU NSX ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**72.840**	**25.768**	**64.567**	**88,6**	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW, TP và NSX	55.281	22.345	52.914	95,7	
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	17.559	3.423	11.653	66,4	

(*) Ghi chú: Tổng thu NSNN trên địa bàn đã bao gồm thu huy động, đóng góp

phuongnt187 - 14/10/2026 08:06:42 - phuongnt187 - phuongnt187 - phuongnt187

Số: 425/BC-UBND
Thời gian ký: 2026-10-13T17:24:01+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM PHƯỚC

Mẫu biểu số 04

CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10 /2026 của UBND xã Nam Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện Quý II so (%)	
			Quý III	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**386.203**	**104.954**	**268.063**	**69,41**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**386.203**	**104.396**	**267.505**	**69,27**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**41.776**	**23.674**	**42.163**	**100,93**	
II	**Chi trả nợ lãi**	**0**	**0**	**0**		
III	**Chi thường xuyên**	**337.413**	**80.722**	**225.342**	**66,79**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*85.581*	*27.010*	*86.031*	100,53	
	- 10% Tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn CCTL	*8.615*				
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	*2.000*		*1.424*	71	*0*
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**	**512**				
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**0**		**0**		**0**
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**5.802**		**0**	**0**	
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**	**700**		**0**		
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTP CHO NSX**	**0**		**0**	**0**	**0**
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	0		0		
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	0		0		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**0**	**558**	**558**	**0**	**0**

phuongnt187 - 14/10/2026 08:06:35 - phuongnt187 - phuongnt187